

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2019/HS-PT**
Ngày: 11/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 31/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1984; tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 53C H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh D (chết) và bà Trần Thị N (chết); có vợ Đinh Thị Thu T, sinh năm 1984 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2018 đến ngày 28/01/2019 cho bảo lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1979; tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 34 T, phường Đ, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Hẻm H, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T (không rõ năm sinh) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952; có vợ Đặng Thị H, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

nhân thân: - Ngày 12/3/2002, bị Công an thị trấn Ayun Pa (nay là Công an phường Đoàn Kết), thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; - Ngày 11/8/2002, bị Ủy ban nhân dân xã Ia MRon, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; - Ngày 11/4/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đến tháng 9/2004 chấp hành xong hình phạt tù; tạm giam từ ngày 07/11/2018; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/11/2018, Nguyễn Đức T điện thoại rủ Nguyễn Ngọc Q sáng ngày 07/11/2018 cùng đi mua bán thuốc lá điều nhập lậu với T, Q đồng ý. Sáng ngày 07/11/2018, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển số 81A – 151.09 đến khu vực gần cửa khẩu Lê Thanh, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai mua 16.510 bao thuốc lá điều nhập lậu, bao gồm: 14.510 bao thuốc Jet, 1.000 bao thuốc Scott, 500 bao thuốc Esse lights và 500 bao thuốc Esse menthol, với tổng số tiền 11.273 Đô la Mỹ, rồi điều khiển xe chở thuốc lá quay về thị xã A. T gắn biển số xe giả là 79A – 193.68 chồng lên biển số thật, sau đó đến chở Q cùng đi vào tỉnh Khánh Hòa buôn bán thuốc lá. Khoảng 07 giờ cùng ngày, khi xe đang lưu hành trên đường Quốc lộ 29, thuộc thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, thấy phía trước có Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, sợ bị phát hiện, T quay đầu xe bỏ chạy va chạm với xe mô tô biển số 78G1 – 166.67 do anh Nguyễn Đình T1 điều khiển, làm xe mô tô hư hỏng. T điều khiển xe bỏ chạy tông vào hàng rào lưới B40 của nhà chị Nguyễn Thị B, nên biển số 79A – 193.68 gắn ở đầu xe rơi ra ngoài. T tiếp tục điều khiển xe chạy vào đường hẻm thuộc thôn H, xã H, huyện T, rồi dừng xe cùng với Q bỏ chạy thì bị lực lượng Công an truy bắt, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số08/2019/HSST ngày 04/04/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt Nguyễn Đức T – 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/11/2018 đến ngày 28/01/2018; Nguyễn Ngọc Q – 08 (Tám) năm tù, thời hạn tính từ ngày 07/11/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2019, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/4/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 07/11/2018 tại thôn H, xã H, huyện T, Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q đang vận chuyển 16.510 bao thuốc lá điều nhập lậu, cao gần gấp bốn lần của cầu thành tội phạm để bán cho người khác thì bị bắt quả tang, nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi vận chuyển 16.510 bao thuốc lá điều nhập lậu với mục đích đem đi tiêu thụ và sau khi bị phát hiện tiếp tục điều khiển xe ô tô bỏ chạy là rất nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, đối với loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, nên cần xử phạt nghiêm. Khi lượng hình án sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò vị trí và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng để phạt bị cáo Nguyễn Đức T - 08 (Tám) năm tù (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Ngọc Q - 08 (Tám) năm tù là không nặng, nhất là đối với bị cáo Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, không có kháng nghị theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo T, nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; mặt khác hình phạt mà án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T cũng nằm trong khung hình phạt; do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và để ổn định bản án, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo - Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Đức T - 08 (Tám) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 07/11/2018 đến ngày 28/01/2019.

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc Q- 08 (Tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2018.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- TAND huyện T(2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Công an huyện T(2)
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 11 tháng 7 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 11 tháng 7 năm 2019;

Tại phòng nghị án - Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Lê Ngọc Minh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1984; tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 53C Hoàng Văn Thụ, phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai; và đồng phạm.

Đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt về tội “Buôn bán hàng cấm”, theo điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; với mức hình phạt 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/11/2018 đến ngày 28/01/2018.

Căn cứ vào Điều 299, 326, 354 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN HÌNH SỰ NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

* Các thẩm phán cùng thống nhất ý kiến: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa (CTPT) thống nhất ý kiến của các Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

* Các thẩm phán cùng thống nhất ý kiến: Áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 3 Điều 190; điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

* Thẩm phán CTPT thống nhất ý kiến của các Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về Hình phạt:

* Các Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến:

Phạt: - Bị cáo Nguyễn Đức T - 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 07/11/2018 đến ngày 28/01/2019; - Bị cáo Nguyễn Ngọc Q - 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2018.

* Thẩm phán CTPT thống nhất ý kiến của các Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

* Các thẩm phán cùng thống nhất ý kiến: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Thẩm phán CTPT thống nhất ý kiến của các Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc lúc 09giờ 15 phút cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhận đúng, ký tên.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

